

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2023

“ Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Điền và ông Triệu Ngọc Vạn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Ninh Giang tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2022, về việc tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu T, sinh năm 1987 - Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Đình P, sinh năm 1986 - Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, chị Bùi Thị Thu T trình bày: Chị và anh Bùi Đình P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/02/2006 tại UBND xã K, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp, thường xuyên to tiếng, cãi nhau, hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay mỗi người một nơi, do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn anh P. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Đình Ngọc Q, sinh ngày 10/02/2007; Bùi Hoàng T N, sinh ngày 05/02/2013. Bùi Hoàng Bảo B, sinh ngày 18/10/2014. Hiện nay các con đang sống cùng với anh P và ông bà nội, ly hôn chị xin được nuôi con Bùi Hoàng T N và Bùi Hoàng Bảo B. Anh P có trách nhiệm nuôi con Bùi Đình Ngọc Q, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của anh Bùi Đình P trình bày: Thống nhất như lời khai của chị T về thời gian, địa điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Về con chung: Vợ chồng có ba con như lời khai của chị T trình bày, con đang được anh và ông bà nội nuôi dưỡng, ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của con để giải quyết việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của con Bùi Đình Ngọc Q, sinh ngày 10/02/2007 có nguyện vọng được ở với bố Bùi Đình P, con Bùi Hoàng T N, sinh ngày 05/02/2013 và Bùi Hoàng Bảo B, sinh ngày 18/10/2014 có nguyện vọng được ở với mẹ chị Bùi Thị Thu T.

Tại lời khai của bà Hoàng Thị Đ trình bày: Gia đình bà đã nhận được các tài liệu chị T khởi kiện do Tòa án gửi, do anh P vắng mặt tại gia đình nên bà nhận các tài liệu của Tòa án và đã thông báo cho anh P được biết, anh P đi làm xa nhà nên nhờ bà đến Tòa án để trình bày và giao nộp bản tự khai của anh P, quan điểm của anh P ghi trong bản tự khai là đúng sự thật, anh P nhất trí ly hôn chị T. Các bên đều đủ điều kiện nuôi con, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các con để giải quyết cho bố hoặc mẹ dưỡng, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con và các bên đương sự.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng, đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Thu T được ly hôn anh Bùi Đình P. Về con chung: Xử giao con Bùi Hoàng T N, sinh ngày 05/02/2013 và Bùi Hoàng Bảo B, sinh ngày 18/10/2014 cho chị Bùi Thị Thu T nuôi dưỡng. Giao con Bùi Đình Ngọc Q, sinh ngày 10/02/2007 cho anh Bùi Đình P nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh P không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Bùi Thị Thu T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, HĐXX xét xử vắng mặt chị T, anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu T và anh Bùi Đình P có đăng ký kết hôn ngày 03/02/2006 tại UBND xã Kiến Q, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn các đương sự đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, chị T xin ly hôn anh P nhất trí. Căn cứ vào lời khai của các đương sự, HĐXX có căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Bùi Thị Thu T được ly hôn với anh Bùi Đình P là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T, anh P đều xác nhận có 03 con chung là Bùi Đình Ngọc Q, sinh ngày 10/02/2007; Bùi Hoàng T N, sinh ngày 05/02/2013; Bùi Hoàng Bảo B, sinh ngày 18/10/2014, hai bên đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của con để giao cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng. Xét thấy chị T, anh P đều có đủ điều kiện nuôi con, nguyện vọng của con Bùi Hoàng T N và Bùi Hoàng Bảo B đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, con Bùi Đình Ngọc Q có nguyện vọng được ở cùng với bố. Do vậy, HĐXX giao cho chị Bùi Thị Thu T được nuôi hai con Bùi Hoàng T N và Bùi Hoàng Bảo B; giao cho anh Bùi Đình P được nuôi con Bùi Đình Ngọc Q cho đến khi trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của đương sự không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thu T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Thu T được ly hôn anh Bùi Đình P.

2. Về con chung: Xử giao con Bùi Hoàng T N, sinh ngày 05/02/2013 và Bùi Hoàng Bảo B, sinh ngày 18/10/2014 cho chị Bùi Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao con Bùi Đình Ngọc Q, sinh ngày 10/02/2007 cho anh Bùi Đình P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh P không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị Thu T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2020/0000294, ngày 12/12/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, chị Bùi Thị Thu T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Thu T và anh Bùi Đình P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- Dương sự;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hà Xuân Trường